

# VIẾT TIẾP VỀ VIỆC TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ThS. NGUYỄN VĂN THƯƠNG  
Chi hội Mỏ VINACONEX

**T**rong số 6-2014 của Tạp chí Công nghiệp Mỏ đã đăng bài "Về việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản". Bài viết đã nêu lên một số vấn đề nảy sinh, cần làm rõ liên quan đến trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép khai thác và việc áp dụng quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Qua phân tích và đối chiếu với các quy định của Pháp luật về Khoáng sản và Pháp luật khác có liên quan đến hoạt động khoáng sản, tác giả đã cho rằng "Việc một số người từng cho là khi áp dụng Nghị định 203/2013/NĐ-CP để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sẽ gặp một số bất cập là không đúng, mà điểm mấu chốt là do họ hiểu và đưa trữ lượng địa chất vào Giấy phép khai thác chưa đúng". Bài viết lần này, người viết muốn trao đổi và phân tích tại sao lại có sự hiểu biết khác nhau về việc đưa trữ lượng địa chất ghi vào Giấy phép khai thác.

Tiếp theo câu chuyện của Doanh nghiệp A và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Theo hướng dẫn của Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, Doanh nghiệp A đã làm văn bản với nội dung chính như bài viết "Về việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản" đã đăng trong số 6-2014 của Tạp chí Công nghiệp Mỏ, xin ý kiến của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Người viết đã gặp và trao đổi trực tiếp với bộ phận chức năng, có thẩm quyền của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam được giao xem xét và trả lời văn bản của Doanh nghiệp A. Với chức năng và thẩm quyền của mình, trong văn bản trả lời Doanh nghiệp A của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đưa ra ý kiến mang tính nguyên tắc như sau:

❖ Từ khi Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực, thì Giấy phép khai thác khoáng sản phải thể hiện trữ lượng địa chất là trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; không dùng trữ lượng khai thác để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản như kiến nghị của Doanh nghiệp A;

❖ Kiến nghị của Doanh nghiệp A về "trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép là trữ lượng địa chất trong biên giới mỏ được xác định trong dự án khai thác mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt" là chưa chính xác. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là trữ lượng địa chất nằm trong ranh giới khu vực được cấp phép khai thác.

Với Văn bản trả lời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Doanh nghiệp A trao đổi lại, và giải thích thêm về ranh giới khu vực được cấp phép khai thác đã được quy định tại Khoản 2 Điều 52 Luật Khoáng sản 2010: "Diện tích, ranh giới theo chiều sâu của khu vực khai thác khoáng sản được xem xét trên cơ sở dự án đầu tư khai thác, phù hợp với trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác", nhưng vẫn không thay đổi được quan điểm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Qua trao đổi, người viết thấy cả ở Phòng Tài nguyên Khoáng sản-Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B và Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, đều có hai quan điểm khác nhau:

❖ Nhóm thứ nhất (chủ yếu là những người có chuyên môn về địa chất) cho rằng: Trữ lượng địa chất luôn luôn được hiểu là tính theo góc dốc  $90^{\circ}$ , nên trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản bằng phương pháp khai thác lộ thiên, là trữ lượng địa chất tính trong ranh giới khu vực giới hạn bởi diện tích cấp phép, theo góc dốc  $90^{\circ}$  và cốt cao đáy mỏ. Nghị định 203/2013/NĐ-CP quy định tỷ lệ thu hồi khoáng sản khi khai thác bằng phương pháp lộ thiên là 0,9 là để khống chế tỷ lệ mất mát khoáng sản. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản, nếu có các giải pháp tốt có thể khai thác với tỷ lệ thu hồi  $>0,9$  thì được lợi về nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, còn ngược lại thì chịu thiệt;

❖ Nhóm thứ hai (chủ yếu là những người có chuyên môn về khai thác mỏ): đồng quan điểm với Người viết. Tuy nhiên, họ cho rằng trong các văn bản Pháp luật hiện hành, chưa có quy định cụ thể

về việc xác định và đưa trữ lượng địa chất vào Giấy phép khai thác. Hơn nữa họ lại là những người không có thẩm quyền trả lời hay quyết định, nên họ chỉ chia sẻ và nói chờ sửa đổi hay bổ sung Nghị định 203/2013/NĐ-CP.

Để có tiếng nói chung giữa 2 nhóm trên, Người viết thấy cần trao đổi để làm rõ một số nội dung khái niệm sau: “trữ lượng địa chất”; “thế nào là ranh giới khu vực thăm dò và khu vực được cấp phép khai thác?”; “hệ số thu hồi khoáng sản khi khai thác bằng phương pháp lộ thiên?”

Theo chúng tôi, trữ lượng địa chất là trữ lượng được xác định theo các chỉ tiêu tính trữ lượng địa chất (được quy định cụ thể trong báo cáo kết quả thăm dò, ví dụ: độ tro - đối với khoáng sản là than, hay hàm lượng thành phần có ích - đối với khoáng sản là quặng, hay độ cứng - đối với khoáng sản là đá làm vật liệu xây dựng thông thường; chiều dày vỉa tính trữ lượng; chiều dày lớp đá kẹp cần bóc tách;...). Khi trữ lượng địa chất tính trong ranh giới nào thì gọi là trữ lượng địa chất tương ứng với ranh giới đó. Ví dụ:

❖ Khi trữ lượng địa chất xác định trong ranh giới khu vực thăm dò thì gọi là trữ lượng địa chất thăm dò;

❖ Khi trữ lượng địa chất xác định trong ranh giới khu vực thăm dò được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì gọi là trữ lượng địa chất thăm dò được phê duyệt;

❖ Khi trữ lượng địa chất xác định trong ranh giới khu vực khai thác khoáng sản được cấp phép (hay khu vực được cấp phép khai thác khoáng sản) thì gọi là trữ lượng địa chất được phép khai thác và ghi vào Giấy phép khai thác.

Thế nào là ranh giới khu vực thăm dò và khu vực được cấp phép khai thác?

❖ Ranh giới khu vực thăm dò: được giới hạn bởi hình lăng trụ đứng (góc dốc  $90^{\circ}$ ) mà mặt trên là diện tích trên mặt khu vực thăm dò và mặt dưới là mặt phẳng nằm ngang tại cốt cao tính trữ lượng;

❖ Ranh giới khu vực được cấp phép khai thác: tại Khoản 2 Điều 52 Luật Khoáng sản 2010 quy định: “Diện tích, ranh giới theo chiều sâu của khu vực khai thác khoáng sản được xem xét trên cơ sở dự án đầu tư khai thác, phù hợp với trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác”. Ranh giới khu vực được cấp phép khai thác đến đâu thì doanh nghiệp được phép khai thác đến đó. Vậy, nếu cấp phép với góc dốc  $90^{\circ}$  thì doanh nghiệp có được phép khai thác với góc bờ kết thúc  $90^{\circ}$  không? Câu trả lời là không, bờ kết thúc khai thác phải theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt (tuân thủ Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 5326:2008 về Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04/2009/BCT

về An toàn trong khai thác mỏ lộ thiên). Vậy việc cấp phép khai thác theo góc dốc  $90^{\circ}$  có hợp lý không? Có vi phạm QCVN 04/2009/BCT không? (không để lại bờ mỏ theo điều kiện an toàn, mà tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý nhà nước về khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên là một trong những đối tượng quy định tại Điều 1 của Quy chuẩn này phải áp dụng). Như vậy, để tuân thủ Luật Khoáng sản 2010; TCVN 5326:2008 và QCVN 04/2009/BCT, thì ranh giới khu vực được cấp phép khai thác trùng với ranh giới mỏ được xác định trong dự án khai thác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hệ số thu hồi khoáng sản khi khai thác bằng phương pháp lộ thiên. Cần phân biệt khái niệm khoáng sản để lại trong bờ mỏ với khoáng sản bị mất mát trong quá trình khai thác:

❖ Khoáng sản để lại trong bờ mỏ: là phần trữ lượng địa chất được phê duyệt, phải để lại trong bờ kết thúc khai thác theo điều kiện kinh tế, kỹ thuật an toàn hiện tại (bờ kết thúc khai thác được xem xét và tính toán trong dự án đầu tư khai thác) mà chưa được khai thác. Sau này, khi điều kiện kinh tế phát triển, tài nguyên ngày càng cạn kiệt và các giải pháp kỹ thuật an toàn được hoàn thiện, một phần trữ lượng này có thể sẽ được tiếp tục cấp phép khai thác bằng phương pháp lộ thiên hoặc cấp phép khai thác bằng phương pháp hầm lò. Khi đó, nếu theo quan điểm của Nhóm thứ nhất thì một phần trữ lượng để lại trong bờ mỏ này sẽ được cấp phép và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 2 lần. Khoáng sản để lại trong bờ mỏ không phải là mất mát mà chỉ là chưa được huy động vào khai thác;

❖ Khoáng sản bị mất mát trong khai thác: Hệ số thu hồi khoáng sản 0,9 như quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP, là tính tổn thất khai thác 10 % (gồm tổn thất khi bóc tách đất đá phủ ở vách vỉa + để lại ở trụ vỉa + khi bóc tách các lớp đất đá kẹp trong thân khoáng có chiều dày đủ lớn cần phải bóc tách) so với trữ lượng địa chất trong ranh giới khu vực được cấp phép khai thác. Tổn thất khoáng sản khi khai thác này là không thể tránh khỏi. Tỷ lệ tổn thất khai thác phụ thuộc: mức độ rõ ràng về ranh giới giữa khoáng sản với đất đá ở vách, trụ vỉa và các lớp đá kẹp; mức độ phức tạp về góc cắm và cấu trúc vỉa; thiết bị và công nghệ khai thác (khả năng xúc chọn lọc của máy xúc; thông số hệ thống khai thác và công nghệ khai thác chọn lọc sử dụng). Với các dạng vỉa có cấu tạo phức tạp, khai thác công nghiệp với quy mô lớn thì doanh nghiệp phải thật tích cực trong việc áp dụng các giải pháp kinh tế kỹ thuật mới có thể đảm bảo được tỷ lệ tổn thất 10 % như quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP.

Từ những nội dung trên, chúng tôi thấy rằng:

❖ Nhóm thứ nhất đã hiểu chưa đúng về trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép khai thác (cho phép khai thác) và chủ trương quản lý việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo tỷ lệ thu hồi khoáng sản, khi khai thác bằng phương pháp lộ thiên trong Nghị định 203/2013/NĐ-CP;

❖ Nhóm thứ hai cho rằng trong các văn bản Pháp luật hiện hành, chưa có quy định cụ thể về việc xác định và đưa trữ lượng địa chất vào Giấy phép khai thác là cũng chưa đúng. Vì: khi chưa có quy định cụ thể tại một văn bản pháp luật nào thì không có nghĩa là hiểu thế nào cũng được; việc thực hiện quy định của Pháp luật phải xem xét trên cơ sở tham chiếu của Pháp luật chuyên ngành và Pháp luật khác có liên quan (ở đây là Luật Khoáng sản 2010; Nghị định 203/2013/NĐ-CP; TCVN 5326:2008 và QCVN 04/2009/BCT);

❖ Cả hai nhóm đều cho rằng để giải quyết những vấn đề bất cập, nảy sinh nêu trong bài "Về việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản" đã đăng trong số 6-2014 của Tạp chí Công nghiệp Mỏ và nêu trên, khi tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cần xem xét sửa đổi và bổ sung Nghị định 203/2013/NĐ-CP. Người viết vẫn không đồng quan điểm với ý kiến này, mà mấu chốt vẫn là việc hiểu và đưa trữ lượng địa chất vào Giấy phép khai thác chưa đúng.

Được biết, có rất nhiều doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trước đây, mà trong Giấy phép đã cấp ghi trữ lượng địa chất theo góc dốc 90° cũng đã kiến nghị với Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc tính tiền cấp quyền khai thác theo trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép là không hợp lý. Tuy nhiên, kiến nghị của các doanh nghiệp này vẫn không được giải quyết. Để giải quyết được kiến nghị của các doanh nghiệp này, cần phải lập hồ sơ xin điều chỉnh trữ lượng địa chất ghi trong Giấy phép khai thác (là trữ lượng địa chất được phép khai thác; xác định theo quan điểm nêu trên).

Bên cạnh các nội dung thuộc về kiến thức chuyên môn và pháp luật cần trao đổi nêu trên, Người viết còn muốn đề cập thêm về thái độ của những cán bộ Nhà nước có thẩm quyền - "công bộc của dân" trong Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Khi giao tiếp với người dân, họ còn mang nặng tư tưởng xin cho, lấy vị thế là cơ quan Nhà nước áp đặt suy nghĩ, không cho hoặc không nghe người dân giải trình. Họ luôn cho rằng mình hiểu quy định của pháp luật hơn hẳn người dân, coi thường (chưa muốn nói là mặt sát) người dân. Nếu những "công bộc của dân" như thế này còn tồn tại trong các cơ quan công quyền thì người dân vẫn còn khổ và mục tiêu phấn đấu cho sự công bằng, văn minh ở nước ta không biết đến bao giờ mới đạt được?

Nhằm tạo sự đồng nhất về quan điểm và sự hiểu biết đầy đủ về Pháp luật, từ đó đảm bảo được sự hài hòa giữa nghĩa vụ và quyền lợi của doanh nghiệp khai thác khoáng sản, rất mong Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam, lấy tư cách là đại diện cho các doanh nghiệp khai thác mỏ trên cả nước, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét có thể tổ chức hội thảo, hoặc ban hành văn bản hướng dẫn chuyên đề về việc ghi trữ lượng địa chất vào giấy phép khai thác khoáng sản. □

*Người biên tập: Hồ Sĩ Giao*

### SUMMARY

The paper offers of the some ideas for the problem calculating the money sum for the applying the rights to exploitation for mining companies in real conditions in Vietnam.

## GIẢI PHÁP TRUNG HOÀ...

*(Tiếp theo trang 73)*

3. Nghiêm Gia và nhóm tác giả. Giải pháp đổi mới hiện đại hoá công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản của Tổng Công ty Thép Việt Nam giai đoạn 2007-2025. Hội thảo Khoa học Mỏ toàn quốc lần thứ XVII. Đà Nẵng tháng 8 năm 2006.

4. Trust Fund in Iron Ore Information, Iron Ore Statistics; Steelmaking Materials Monthly. 2003-2006.

5. Lý thuyết quá trình Luyện gang Lò cao. Chuẩn bị nguyên, nhiên liệu cho luyện gang Lò cao. Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

6. Quá trình vận hành Lò cao. Sổ tay tra cứu tập I (I.P. Bađina. NXB Luyện kim Moskva 1985).

7. Quy trình thao tác kỹ thuật vận hành lò cao và xưởng thiêu kết quặng sắt. Công ty Thép Hàm Đan Trung Quốc.

*Người biên tập: Trần Văn Trạch*

### SUMMARY

The paper shows some solutions to neutralizing and stabilizes the iron ore for producing cast iron at Thái Nguyên cast iron company.